

LÝ LUẬN KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC - LÊNIN TRONG VIỆC HÌNH THÀNH ĐƯỜNG LỐI KINH TẾ CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC TA HIỆN NAY

NGUYỄN VĂN ĐIỂN*
PHẠM THỊ THÙY LINH**

Hiện nay, nền kinh tế nước ta chuyển đổi từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đa dạng hóa và đa phương hóa các quan hệ kinh tế đối ngoại, thực hiện mở cửa, hội nhập quốc tế. Những thành tựu to lớn về kinh tế đã khẳng định đường lối, chính sách về kinh tế của Đảng và Nhà nước ta hoàn toàn đúng đắn. Qua đó cho thấy sự vận dụng sáng tạo của Đảng về lý luận kinh tế chính trị Mác - Lênin trong thời kỳ đổi mới phát triển kinh tế - xã hội đất nước.

Từ khóa: kinh tế chính trị Mác - Lênin, đường lối kinh tế, Đảng Cộng sản Việt Nam

Nhận bài ngày: 12/4/2019; *đưa vào biên tập:* 14/4/2019; *phản biện:* 26/4/2019; *duyet đăng:* 27/5/2019

1. KHÁI LƯỢC VỀ LÝ LUẬN KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC - LÊNIN

Kinh tế chính trị Mác - Lênin do C. Mác (1818 - 1883) và Ph. Ăngghen (1820 - 1895) sáng lập và sau này được V.I. Lênin (1870 - 1924) kế thừa và phát triển trong điều kiện chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh chuyển sang chủ nghĩa tư bản độc quyền. Kinh tế chính trị Mác - Lênin có đối tượng nghiên cứu là quan hệ sản xuất trong sự tác động qua lại với lực lượng sản xuất và kiến trúc thượng tầng nhằm tìm ra bản chất của các hiện tượng và quá trình kinh tế, phát hiện ra các phạm trù, quy luật kinh tế của đời sống xã hội, tìm ra các quy luật chi phối sự

vận động kinh tế - xã hội. Trên cơ sở kế thừa và phát triển những quan điểm về kinh tế hàng hóa, kinh tế tư bản chủ nghĩa của các nhà kinh tế học như W. Petty, A. Smith, D. Ricardo... C. Mác và Ph. Ăngghen đã xây dựng lý thuyết kinh tế với những luận giải về cơ sở hình thành, phát triển, bản chất của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa, những quan hệ kinh tế và các quy luật chi phối quá trình sản xuất, trao đổi, phân phối, tiêu dùng của cải vật chất trong nền kinh tế tư bản chủ nghĩa.

Nghiên cứu lý luận cơ bản về sản xuất hàng hóa giản đơn, C. Mác là người đầu tiên phát hiện tính chất hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa (lao động cụ thể và lao động trừu tượng)

* , ** Học viện Chính trị Khu vực II.

và đã chỉ ra giá trị hàng hóa là cơ sở chung nhất của việc trao đổi hàng hóa có giá trị khác nhau. Giá trị hàng hóa có hai mặt: chất và lượng. Chất của giá trị hàng hóa là do hao phí lao động của người sản xuất hàng hóa kết tinh trong hàng hóa. Lượng giá trị hàng hóa do lượng lao động tiêu hao để làm ra hàng hóa quyết định. Lượng lao động tiêu hao ấy được tính theo thời gian. “Bản thân số lượng lao động thì đo bằng thời gian lao động, còn thời gian lao động thì lại đo bằng những phần nhất định của thời gian như giờ, ngày...” (C. Mác, 1984: 56). Một loại hàng hóa có nhiều người sản xuất, mỗi người có hao phí lao động cá biệt (thời gian lao động cá biệt) khác nhau nên hàng hóa được sản xuất ra có những giá trị cá biệt khác nhau. Theo C. Mác (1984: 63), “[L]ao động phức tạp chỉ là lao động giản đơn được nâng lên lũy thừa, hay nói cho đúng hơn, là lao động giản đơn được nhân lên, thành thử một lượng lao động phức tạp nhỏ hơn thì tương đương với một lượng lao động giản đơn lớn hơn”. Trong trao đổi hàng hóa, người ta lấy lao động giản đơn làm đơn vị tính toán và quy tất cả lao động phức tạp thành lao động giản đơn trung bình.

Trên cơ sở phân tích sự hình thành và phát triển các hình thái giá trị hàng hóa, C. Mác phát hiện ra *tiền tệ* là hàng hóa đặc biệt trong thế giới hàng hóa, từ đó phân tích quy luật lưu thông tiền tệ của nền sản xuất hàng hóa.

Từ những phạm trù kinh tế cơ bản của sản xuất hàng hóa, Mác nghiên cứu quy luật kinh tế cơ bản của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa mà cốt lõi là sản xuất giá trị thặng dư. Xuất phát từ công thức chung của tư bản T-H-T', Mác (1993: 249) đã mở xẻ mâu thuẫn trong công thức chung của tư bản: “tư bản không thể xuất hiện từ lưu thông và cũng không thể xuất hiện ở bên ngoài lưu thông. Nó phải xuất hiện trong lưu thông và đồng thời không phải trong lưu thông”. C. Mác là người đầu tiên phân tích và giải quyết mâu thuẫn đó bằng phát hiện ra hàng hóa sức lao động - cơ sở của nguồn gốc giá trị thặng dư của chủ nghĩa tư bản. Trên cơ sở phân tích giá trị thặng dư, C. Mác đã tìm ra bản chất của tiền công tư bản chủ nghĩa không phải là giá cả của lao động mà là giá cả của sức lao động. Thông qua phân tích sự vận động của tư bản cá biệt và tái sản xuất tư bản xã hội, C. Mác đã xem xét các hình thái tư bản và các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư. Với những đóng góp to lớn đó, C. Mác đã xây dựng được khoa học kinh tế chính trị về phương thức sản xuất trong thời kỳ chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh.

Trong giai đoạn cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, chủ nghĩa tư bản chuyển từ giai đoạn tự do cạnh tranh sang chủ nghĩa tư bản độc quyền và độc quyền nhà nước, Lênin đã xây dựng lý luận khoa học kinh tế chính trị trong điều kiện mới của chủ nghĩa tư bản. Ông đã chỉ ra năm đặc điểm kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản độc quyền và

cho rằng bản chất kinh tế của chủ nghĩa đế quốc là ăn bám, bóc lột. Bên cạnh đó, việc tổng kết kinh nghiệm thực tiễn nước Nga sau Cách mạng tháng Mười, Lênin đã xây dựng lý luận kinh tế chính trị trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (giai đoạn thấp của chủ nghĩa cộng sản) và chỉ rõ thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là thời kỳ vô cùng khó khăn, phức tạp và lâu dài. Để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội cần phải tạo ra những tiền đề kinh tế, xã hội trong thời kỳ quá độ. Đó là chế độ kinh tế - xã hội cao hơn chủ nghĩa tư bản ở cả lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất.

Sau Lênin, kinh tế chính trị mác-xít được bổ sung bởi những nhà lý luận Liên Xô với nội dung chủ yếu về sản xuất của chủ nghĩa xã hội; nâng cao hiệu quả của sản xuất thông qua kế hoạch; vai trò của nhà nước và công cụ quản lý của nhà nước; kế hoạch hóa, hạch toán kinh tế, cơ chế kinh tế, tài chính, tín dụng; chủ nghĩa tư bản hiện đại và sự biến đổi của chủ nghĩa tư bản hiện đại.

2. VẬN DỤNG LÝ LUẬN KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC - LÊNIN VÀO THỰC TIỄN CÁCH MẠNG VIỆT NAM

Kinh tế chính trị Mác - Lênin cung cấp những luận cứ khoa học để hoạch định đường lối, chính sách và biện pháp kinh tế phù hợp quy luật khách quan. Đường lối, chính sách và các biện pháp kinh tế dựa trên những luận cứ khoa học đúng đắn đã được nhận thức sẽ đi vào cuộc sống làm cho nền kinh tế phát triển hiệu quả hơn, bền

vững hơn. Các nhà nghiên cứu đã chỉ rõ vai trò của kinh tế chính trị Mác - Lênin là: góp phần biến chủ nghĩa xã hội không tưởng thành chủ nghĩa xã hội khoa học; đồng thời nghiên cứu “thực chứng” bản chất bóc lột và chỉ ra tiền đề cách mạng giải phóng khỏi áp bức bất công như “tiếng sét nổ” giữa “bầu trời quang đặng” của chủ nghĩa tư bản.

Kinh tế chính trị Mác - Lênin cùng với triết học Mác - Lênin, chủ nghĩa xã hội khoa học đã góp phần quan trọng đặc biệt trong những thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Trên cơ sở vận dụng và phát triển những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin trong đó có lý luận kinh tế chính trị vào những điều kiện cụ thể của Việt Nam, Đảng ta đã luôn kiên định xây dựng nước ta tiến lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ chủ nghĩa tư bản, xây dựng đường lối, chính sách kinh tế hiệu quả cho đất nước. Thực tế này đã được minh chứng bởi thành tựu phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam qua hơn 32 năm đổi mới cho thấy đã có sự đóng góp rất lớn của lý luận kinh tế chính trị Mác - Lênin.

** Vận dụng trong lựa chọn con đường đi lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa*

Việc lựa chọn thực hiện cách mạng dân tộc - dân chủ - nhân dân (Cách mạng tháng 8/1945) và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa đã thể hiện Đảng ta vận dụng linh hoạt, sáng tạo những “vũ khí lý luận” của kinh tế chính trị

Mác - Lênin phù hợp với thực tiễn Việt Nam. Đây là tiền đề mang lại thành tựu quan trọng của cách mạng Việt Nam. Tuy nhiên, chúng ta cũng có những giai đoạn còn thiếu sót, sai lầm trong vận dụng nguyên lý cơ bản của kinh tế chính trị mác-xít.

Trước năm 1986, trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, Đảng và Nhà nước ta đã vận dụng máy móc quan điểm “xóa bỏ một cách tích cực chế độ tư hữu” (C. Mác và Ph. Ăngghen, 2000: 183) chưa nhận thức thấu đáo ý nghĩa mà Mác muốn đề cập, đó là: chủ nghĩa cộng sản là mặt đối lập của chế độ tư hữu, nhưng nó không phải là sự xóa bỏ chế độ tư hữu bằng mọi giá, mà là “xóa bỏ một cách tích cực chế độ tư hữu” đang dùng để “nô dịch” người lao động. Sự xóa bỏ đó diễn ra một cách có ý thức và luôn giữ lại những gì là hợp lý, tiến bộ của sự phát triển trước đó. Chính việc chưa hiểu thực chất tinh thần “xóa bỏ chế độ tư hữu một cách tích cực” của C. Mác và do nóng vội chủ quan, bất chấp quy luật “quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất, trình độ phát triển của lực lượng sản xuất”, nên trong một thời gian khá dài, Việt Nam đã áp dụng mô hình kinh tế kế hoạch hóa tập trung, quan liêu bao cấp, mà thực chất là mô hình kinh tế cứng nhắc phi thị trường, quá đề cao vai trò của một thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa dưới hai hình thức: kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể, còn thành phần khác như kinh tế tư nhân bị gọi là “phi xã hội chủ nghĩa” và bị “cải tạo”, xóa bỏ. Cách làm này chính

là “xóa bỏ chế độ tư hữu một cách tiêu cực”, triệt tiêu các động lực phát triển kinh tế của xã hội.

Kết quả là thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa phát triển mạnh về số lượng, mở rộng quy mô nhưng năng suất, hiệu quả lao động thấp, nền kinh tế lâm vào tình trạng trì trệ, khủng hoảng kinh tế trầm trọng, lạm phát phi mã, đời sống nhân dân hết sức khó khăn. Trước tình thế đó, Đảng và Nhà nước ta đã đổi mới nhận thức về bản chất quan điểm, lý luận của Kinh tế chính trị Mác - Lênin và vận dụng sáng tạo, linh hoạt vào tình hình cụ thể của đất nước để đạt được kết quả to lớn về phát triển kinh tế - xã hội.

** Vận dụng trong xây dựng, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*

Đến năm 1986, trước những khó khăn tưởng chừng không thể vượt qua nổi, Đảng ta đã tổng kết kinh nghiệm từ thực tiễn, vận dụng quy luật “quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất”, “kinh tế thị trường là nền kinh tế hàng hóa phát triển cao”... vào điều kiện cụ thể của nước ta, đưa ra đường lối đổi mới trong phát triển đất nước; chuyển nền kinh tế từ cơ chế kế hoạch hóa tập trung quan liêu bao cấp sang cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đại hội lần thứ VI (12/1986) của Đảng thực sự là đại hội của những quyết sách lớn, tạo ra bước ngoặt lịch sử cho sự phát triển của đất nước. Đại hội đã chỉ rõ:

Nhà nước ta phải xây dựng xã hội mới từ lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất đến kiến trúc thượng tầng. Đại hội đã đặt ra vấn đề phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, đồng thời hướng tới phát triển một cơ cấu kinh tế đa sở hữu trong đó khẳng định vai trò chủ đạo của kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể. Từ đó, các khái niệm thị trường bắt đầu được sử dụng như: cung - cầu, giá cả thị trường, cạnh tranh... đồng thời nhà nước thừa nhận sự tồn tại và đưa ra chính sách phát triển thành phần kinh tế tư nhân và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Đại hội VII (1991) tiếp tục khẳng định: “nền kinh tế có nhiều thành phần với nhiều dạng sở hữu và hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh phù hợp với trình độ của lực lượng sản xuất, thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển có hiệu quả nền sản xuất xã hội” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 1991: 8). Đại hội VIII (1996) Đảng ta đã xác định mô hình kinh tế tổng quát của nước ta “phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 1996: 82). Đại hội đã làm rõ định hướng xã hội chủ nghĩa trong việc xây dựng nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước. Đại hội IX (4/2001) đã định hình và cụ thể mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa của Việt Nam: “thực hiện nhất quán lâu dài chính

sách phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2001: 86).

Đại hội XII (2016) đã kế thừa từ các đại hội trước và bổ sung quan điểm về mô hình kinh tế tổng quát của nước ta: “Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là nền kinh tế vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, đồng thời bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước. Đó là nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế; có sự quản lý của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, nhằm mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2016: 103). Trải qua các kỳ đại hội, đường lối, chủ trương, chính sách xây dựng nền kinh tế nước ta đã được xác lập bằng hiến pháp, pháp luật và được đưa vào thực tiễn cuộc sống sinh động, phát triển hiện nay.

** Vận dụng để xây dựng thể chế sở hữu và các thành phần kinh tế*

Từ chỗ chúng ta chỉ thừa nhận một chế độ sở hữu duy nhất là chế độ công hữu (sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể) và một thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa (kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể), chuyển sang thừa nhận trên thực tế có nhiều hình thức sở hữu (sở hữu toàn dân, sở hữu tập thể, sở hữu tư nhân), nhiều thành

phần kinh tế (kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài), trong đó, kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể trở thành nền tảng của nền kinh tế quốc dân. Đặc biệt, vai trò của sở hữu tư nhân hay thành phần kinh tế tư nhân ngày càng được coi trọng, trở thành “động lực quan trọng của nền kinh tế” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2016: 107-108). Nhận thức rõ vai trò to lớn của đa dạng hóa hình thức sở hữu và các thành phần kinh tế, Nhà nước đã ban hành các luật nhằm tạo cơ sở pháp lý cho sự ra đời các chủ thể kinh tế thị trường, như: Luật Doanh nghiệp tư nhân; Luật Công ty (1990) được sửa đổi, bổ sung và nhập thành Luật Doanh nghiệp (1999), sửa đổi bổ sung (2005 và 2014); Luật Đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam (1987) và sửa đổi (1990, 1992, 1996, 2000, 2005 và 2014)... Phát triển nhiều thành phần kinh tế và các chủ thể kinh tế thị trường làm cho nền kinh tế phát triển năng động, cạnh tranh lành mạnh giữa các thành phần kinh tế, huy động được nguồn lực trong nước và ngoài nước tạo ra nguồn lực to lớn cho nền kinh tế phát triển mạnh mẽ.

** Vận dụng để xây dựng và phát triển các loại thị trường*

Trước đổi mới, Nhà nước có vai trò chỉ huy, điều tiết các nguồn lực trong nền kinh tế mà không tuân theo, không thừa nhận cơ chế thị trường – “bàn tay vô hình”. Chuyển sang xây dựng và phát triển nền kinh tế thị

trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Đảng thừa nhận tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng là hàng hóa được mua bán tự do theo cơ chế thị trường. Đại hội VII, VIII, IX của Đảng đã khẳng định từng bước hình thành đồng bộ các loại thị trường hàng tiêu dùng, thị trường vốn, thị trường tiền tệ, thị trường ngoại hối, thị trường hàng hóa sức lao động, thị trường bất động sản, thị trường khoa học công nghệ,... Đại hội X, Đảng nhấn mạnh: “tạo lập đồng bộ và vận hành thông suốt các loại thị trường, để các giao dịch thị trường diễn ra phù hợp với các nguyên tắc của thị trường” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2006: 240-241).

Hiện thực hóa nhận thức của Đảng về xây dựng và phát triển các loại thị trường, Nhà nước đã ban hành các quy định pháp luật nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động sản xuất kinh doanh, như: Luật Thương mại (2005, hợp nhất với Luật Quản lý ngoại thương năm 2017); Luật Đất đai (1993, sửa đổi 2005, 2013); Bộ Luật Lao động (1994, 2012); Luật Ngân hàng nhà nước (2010); Luật các tổ chức tín dụng (2010, 2017); Luật Khoa học và công nghệ (2000); Luật Sở hữu trí tuệ (2005); Luật Công nghệ thông tin (2006)...

** Vận dụng để xác định rõ vai trò, chức năng của Nhà nước đối với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*

Trong mô hình kinh tế kế hoạch hóa tập trung, Nhà nước có vai trò điều hành, quản lý toàn bộ nền kinh tế theo

một cơ chế tập trung thống nhất. Nhà nước quyết định toàn bộ việc sản xuất cái gì, sản xuất như thế nào, số lượng và giá cả sản phẩm bao nhiêu mà không dựa vào nhu cầu của thị trường. Chuyển sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, vai trò Nhà nước đã thay đổi theo hướng tích cực. Theo đó, vai trò của Nhà nước được xác định rõ: Nhà nước tạo môi trường pháp lý, kinh tế - xã hội ổn định, thuận lợi cho các cá nhân, doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế hoạt động; định hướng và hướng dẫn phát triển kinh tế - xã hội; nhà nước tổ chức quản lý các đơn vị kinh tế, phân bổ các nguồn lực kinh tế phù hợp với cơ chế thị trường; điều tiết nền kinh tế thị trường và kiểm tra, kiểm soát nhằm thiết lập trật tự kỷ cương trong hoạt động kinh tế.

3. THAY LỜI KẾT

Đường lối đổi mới đúng đắn, hợp quy luật phát triển tạo nên động lực to lớn đã vực dậy nền kinh tế đang suy yếu trong khủng hoảng, giải phóng các lực lượng sản xuất, phát huy các tiềm năng của đất nước và thu được nhiều thành tựu to lớn. Nếu như trước đổi mới GDP tăng chưa đầy 4% (Nguyễn Thiện Nhân, 2015) thì sau đổi mới, từ 1986 đến 2016, GDP tăng trưởng liên tục, bình quân ở mức 6,7% (Phùng Hữu Phú, Lê Hữu Nghĩa, Vũ Văn Hiền, Nguyễn Viết Thông, 2016: 186). Năm 2018, tốc độ tăng trưởng đạt 7,08% (Tổng cục Thống kê, 2019), là mức tăng cao nhất trong 10 năm qua và đứng trong “top” những quốc gia tăng

trưởng cao nhất trên thế giới. Tăng trưởng kinh tế liên tục đã không chỉ đưa Việt Nam nhanh chóng thoát khỏi khủng hoảng, nước nghèo để gia nhập vào nhóm nước có thu nhập trung bình thấp (năm 2008, với GDP bình quân đầu người là 1.024 USD (Thời báo Kinh tế Việt Nam, 2009: 4)) mà còn rút ngắn đáng kể khoảng cách thu nhập so với các nước trong khu vực. Năm 1988, quy mô GDP chưa tới 5,5 tỷ USD, GDP đầu người chỉ đạt 86 USD; đến năm 2018, quy mô GDP đã đạt hơn 240 tỷ USD, tăng hơn 43,6 lần, GDP đầu người đạt 2.587 USD, tăng 30,08 lần so với năm 1988. Theo dữ liệu so sánh của Ngân hàng Thế giới (WB), năm 1990, GDP bình quân đầu người của Thái Lan là 1.508 USD, con số tương ứng của Việt Nam là 98 USD, khoảng cách chênh lệch tới 15,3 lần. Đến năm 2015, GDP bình quân đầu người của Thái Lan lên 5.815 USD, con số tương ứng của Việt Nam là 2.111 USD, khoảng cách rút ngắn còn 2,7 lần. Với Philippines năm 1990, GDP bình quân đầu người cao gấp 7,3 lần so với Việt Nam (715 USD so với 98 USD), khoảng cách này đến năm 2015 còn chưa tới 1,4 lần (2.904 USD so với 2.111 USD). Với Ấn Độ năm 1990, GDP bình quân đầu người cao gấp 3,8 lần so với Việt Nam (375 USD so với 98 USD), đến năm 2015 Việt Nam đã vượt Ấn Độ (2.111 USD so với 1.593 USD) (Trương Minh Tuấn, 2017).

Báo cáo Chính trị của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của

Đảng đã khẳng định: “Những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử qua 30 năm đổi mới khẳng định đường lối đổi mới của Đảng ta là đúng đắn, sáng tạo; con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta là phù hợp với thực tiễn của Việt Nam và xu thế phát triển của lịch sử... Đại hội Đảng lần thứ X khẳng định: “Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy, vận dụng sáng tạo, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; tăng

cường tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, dự báo chính xác và kịp thời có chủ trương, chính sách xử lý hiệu quả những vấn đề mới nảy sinh trong thực tiễn...” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2006: 16-17). Những thành công đạt được đó cho thấy vai trò to lớn và đặc biệt quan trọng của những nguyên lý cơ bản của kinh tế chính trị Mác - Lênin đối với tiến trình xây dựng đường lối, chủ trương, chính sách kinh tế của Đảng và Nhà nước ta. □

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Đảng Cộng sản Việt Nam. 1991. *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*. Hà Nội: Nxb. Sự thật.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam. 1996. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam. 2001. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam. 2006. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam. 2016. *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
6. https://vi.wikipedia.org/wiki/Si%C3%AAu_l%E1%BA%A1m_ph%C3%A1t
7. C. Mác và Ph. Ăngghen. 1993. *Toàn tập*, tập 23. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
8. C. Mác và Ph. Ăngghen. 2000. *Toàn tập*, tập 42. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
9. C. Mác. 1984. *Tư bản*, Tập thứ nhất, Phần 1. Hà Nội: Nxb. Sự thật.
10. Nguyễn Thiện Nhân. 2015. “GDP tăng gấp 30 lần sau đổi mới”. *Báo Tiền Phong điện tử*, ngày 2/9/2015 (<https://www.tienphong.vn/kinh-te/gdp-tang-gap-30-lan-sau-doi-moi-904422.tpo>).
11. Phùng Hữu Phú, Lê Hữu Nghĩa, Vũ Văn Hiền, Nguyễn Viết Thông (đồng chủ biên). 2016. *Một số vấn đề lý luận - thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam qua 30 năm đổi mới*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
12. Thời báo Kinh tế Việt Nam. 2009. *Kinh tế 2008 - 2009: Việt Nam và thế giới*. Hà Nội: Nxb. Thông tin và Truyền thông.
13. Tổng cục Thống kê. 2019. *Niên giám thống kê*. Hà Nội: Nxb. Thống kê.
14. Trương Minh Tuấn. 2017. “Sức thuyết phục của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”. *Báo Nhân dân điện tử*, ngày 5/6/2017.